

**CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 11 tháng 03 năm 2015**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG
Mã chứng khoán : SKG
Địa chỉ trụ sở chính : số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang
Điện thoại : 077 3 980 111
Fax : 077 3 846 180
Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI
Địa chỉ : Số 12, Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại (cơ quan): 08 38 666 333
Fax : 08 38 688 373
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 11/03/2015 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn//Pages/QHCD.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÀU CAO TỐC
SUPERDONG - KIÊN GIANG**

MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	1-4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5-8
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7-10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÀU CAO TỐC
SUPERDONG - KIÊN GIANG**

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
6. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12-13
7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính	14-20

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 30

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561022000003, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết ngày 08 tháng 7 năm 2014 trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SKG.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư là 199.997.920.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
Điện thoại : (84-77) 3.980.111
Fax : (84-77) 3.846.180
Email : www.superdong.com.vn
Mã số thuế : 1700556108

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 08 tháng 7 năm 2014, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SKG.

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua thêm tàu Superdong VII với giá trị hơn 30 tỷ VND và đã ứng tiền để mua thêm 02 tàu Superdong VIII và Superdong IX. Với việc mua sắm thêm các tàu mới sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu vận chuyển tại Phú Quốc trong thời gian tới.

Doanh thu và lợi nhuận năm nay gia tăng đáng kể so với năm trước là do Công ty đưa thêm tàu Superdong VI vào hoạt động vào tháng 6 năm 2013 và tàu Superdong VII vào tháng 7 năm 2014. Bên cạnh đó, doanh thu của các tàu còn lại cũng có sự gia tăng so với năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2014 như sau:

	Số tiền (VND)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	9.325.309.715
- Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế)	3.108.436.572
- Trích Quỹ dự phòng tài chính (10% lợi nhuận sau thuế)	3.108.436.572
- Trả cổ tức bằng tiền mặt (10% vốn điều lệ)	17.474.854.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (14,45% vốn điều lệ)	25.251.164.030

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Quách Hồng	Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2013	10 tháng 4 năm 2014
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	10 tháng 4 năm 2014	-
Bà Quách Hồng	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Puan Chiong	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Ting Chek Hua	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-

Ban kiểm soát

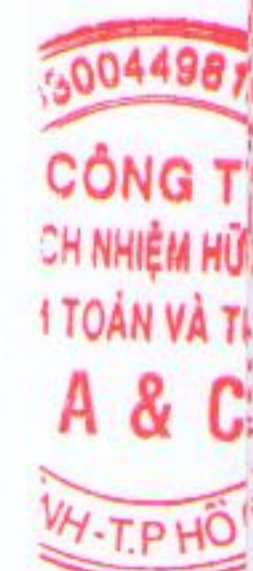
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	27 tháng 4 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Lượng Văn Hồng	Thành viên	27 tháng 4 năm 2013	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Puan Kwong Siing	27 tháng 4 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ký thay Tổng Giám đốc



Hà Nguyệt Nhi

Ngày 04 tháng 03 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0099/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Handwritten signature in blue ink.

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015

0600
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Q. TÂN BÌNH - T.P. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.286.051.213	93.231.429.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	74.022.944.175	44.311.785.819
1. Tiền	111		5.522.944.175	11.811.785.819
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.500.000.000	32.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	39.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.267.146.905	38.705.152.567
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	845.510.000	1.711.301.567
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	46.637.292.500	36.993.851.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	784.344.405	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.194.378.732	5.822.519.615
1. Hàng tồn kho	141	V.6	5.194.378.732	5.822.519.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.801.581.401	391.971.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.397.581.401	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	404.000.000	391.971.000

449815
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG
CHIỂM HỮU
AN VÀ TỰ
& C
T. PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.948.814.070	174.386.007.814
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		186.793.553.404	173.094.171.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	183.627.454.522	168.523.614.298
<i>Nguyên giá</i>	222		240.490.068.687	209.652.343.687
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.862.614.165)	(41.128.729.389)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.166.098.882	4.570.557.118
<i>Nguyên giá</i>	228		3.361.893.481	4.743.637.481
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(195.794.599)	(173.080.363)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		155.260.666	1.291.836.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	155.260.666	1.291.836.398
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		355.234.865.283	267.617.436.815



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.074.229.317	6.107.790.644
I. Nợ ngắn hạn	310		11.074.229.317	6.107.790.644
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	1.751.751.930	1.161.016.679
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	484.010.000	378.116.463
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	2.469.462.109	1.881.730.740
5. Phải trả người lao động	315	V.15	3.002.707.500	2.409.428.000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	257.861.206	277.498.762
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	3.108.436.572	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		344.160.635.966	261.509.646.171
I. Vốn chủ sở hữu	410		344.160.635.966	261.509.646.171
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	199.997.920.000	174.748.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.18	9.325.309.715	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.18	3.108.436.572	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	131.728.969.679	86.761.106.171
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		355.234.865.283	267.617.436.815

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

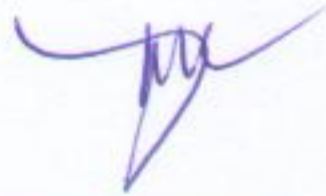
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		362,24	215.398,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kiên Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2015



Lưu Hải Anh
Người lập biểu



Lưu Hải Anh
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	223.934.587.630	164.376.907.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	176.177.314	82.809.079
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	223.758.410.316	164.294.098.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	97.589.462.182	81.955.991.278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.168.948.134	82.338.106.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.625.070.353	3.683.477.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	194.315.662	296.504.079
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	15.543.109.679	17.881.505.039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.848.913.248	8.416.058.529
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		108.207.679.898	59.427.517.067
11. Thu nhập khác	31		1.622.215.911	9.734.846
12. Chi phí khác	32		1.381.839.061	219.328
13. Lợi nhuận khác	40		240.376.850	9.515.518
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		108.448.056.748	59.437.032.585
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.211.787.481	3.760.292.132
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>103.236.269.267</u>	<u>55.676.740.453</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>5.162</u>	<u>2.784</u>

N:0300
CỔ
TRÁCH N
KIỂM T
A
V BINH

Kiên Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2015



Lưu Hải Anh
Người lập biểu



Lưu Hải Anh
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		108.448.056.748	59.437.032.585
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	15.756.599.012	13.514.585.307
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3; VI.4	2.026	6.480.292
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI. 8	(4.751.793.975)	(3.683.397.367)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.452.863.811	69.274.700.817
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		943.833.567	3.772.743.796
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		628.140.883	(868.461.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.702.287.617	(2.211.496.594)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(261.005.669)	(221.507.794)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(5.077.727.897)	(3.027.513.551)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.388.392.312	66.718.464.762
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.5, V.9	(41.021.237.500)	(59.537.445.544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.550.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(39.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	4.249.193.570	3.683.397.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.222.043.930)	(59.854.048.177)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.18	(17.455.188.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.455.188.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		29.711.160.382	6.864.416.585
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	44.311.785.819	37.453.849.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.026)	(6.480.292)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	74.022.944.175	44.311.785.819

Kiên Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Lưu Hải Anh
Người lập biểu

Lưu Hải Anh
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi

5-C.T.
Y
UHAN
U VẤN
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 137 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 120 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 08 tháng 7 năm 2014, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SKG.

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua tàu Superdong VII với giá trị hơn 30 tỷ VND và đã ứng tiền để mua thêm 02 tàu Superdong VIII và Superdong IX. Với việc mua sắm thêm các tàu mới sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu vận chuyển tại Phú Quốc trong thời gian tới.

Doanh thu và lợi nhuận năm nay gia tăng đáng kể so với năm trước là do Công ty đưa thêm tàu Superdong VI vào hoạt động vào tháng 6 năm 2013 và tàu Superdong VII vào tháng 7 năm 2014. Bên cạnh đó, doanh thu của các tàu còn lại cũng có sự gia tăng so với năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Là các máy tính, xe máy và một số công cụ, dụng cụ khác có thời gian sử dụng trên 01 năm và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí thuê văn phòng, phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

8. **Trợ cấp thôi việc**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

9. **Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

10. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư của Công ty.
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...

Mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

12. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

0448
ÔNG
NHIỆM
DÀN V
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.405 VND/USD
31/12/2013: 21.080 VND/USD

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	39.467.000	1.431.364.726
Tiền gửi ngân hàng	5.483.477.175	10.380.421.093
Các khoản tương đương tiền (*)	68.500.000.000	32.500.000.000
Cộng	74.022.944.175	44.311.785.819

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

3. Phải thu khách hàng

Phải thu tiền bán vé trong nước

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua tàu cho Tien Grow Industrial Sdn. Bhd	30.653.580.000	36.827.680.000
Trả trước tiền mua tàu Superdong IX cho Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd	15.907.612.500	-
Các nhà cung cấp khác	76.100.000	166.171.000
Cộng	46.637.292.500	36.993.851.000

5. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh toán trước mua nhà Hà Tiên	450.000.000	-
Lãi dự thu	334.344.405	-
Cộng	784.344.405	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phụ tùng	4.973.564.081	5.500.951.185
Nhiên liệu	174.844.904	211.403.600
Vật liệu	45.969.747	110.164.830
Cộng	5.194.378.732	5.822.519.615

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	522.616.603	-
Chi phí khác	874.964.798	-
Cộng	1.397.581.401	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	275.000.000	262.971.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	129.000.000	129.000.000
Cộng	404.000.000	391.971.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	863.625.100	208.618.409.730	53.560.000	116.748.857	209.652.343.687
Mua sắm trong năm	-	30.837.725.000	-	-	30.837.725.000
Số cuối năm	863.625.100	239.456.134.730	53.560.000	116.748.857	240.490.068.687
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	36.949.092	53.560.000	116.748.857	207.257.949
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	170.287.372	40.803.162.531	44.633.383	110.646.103	41.128.729.389
Khấu hao trong năm	43.181.256	15.675.674.149	8.926.617	6.102.754	15.733.884.776
Số cuối năm	213.468.628	56.478.836.680	53.560.000	116.748.857	56.862.614.165
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	693.337.728	167.815.247.199	8.926.617	6.102.754	168.523.614.298
Số cuối năm	650.156.472	182.977.298.050	-	-	183.627.454.522
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.508.093.000	144.635.390	90.909.091	4.743.637.481
Thanh lý, nhượng bán	(1.381.744.000)	-	-	(1.381.744.000)
Số cuối năm	3.126.349.000	144.635.390	90.909.091	3.361.893.481
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	31.064.240	90.909.091	121.973.331
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	82.171.272	90.909.091	173.080.363
Khấu hao trong năm	-	22.714.236	-	22.714.236
Số cuối năm	-	104.885.508	90.909.091	195.794.599
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.508.093.000	62.464.118	-	4.570.557.118
Số cuối năm	3.126.349.000	39.749.882	-	3.166.098.882
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Giảm khác ^(*)	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	57.998.531	-	(27.340.126)	-	30.658.405
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.233.837.867	556.912.278	(1.105.697.641)	(560.450.243)	124.602.261
Cộng	1.291.836.398	556.912.278	(1.133.037.767)	(560.450.243)	155.260.666

^(*) Phân loại chi phí trả trước dài hạn sang ngắn hạn.**12. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp xăng dầu	1.023.430.000	951.550.000
Phải trả nhà cung cấp khác	728.321.930	209.466.679
Cộng	1.751.751.930	1.161.016.679

13. Người mua trả tiền trước

Người mua trong nước trả tiền trước

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	769.877.646	14.160.987.186	(13.614.933.541)	1.315.931.291
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.137.614.083	(3.137.614.083)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	992.217.849	5.211.787.481	(5.077.727.897)	1.126.277.433
Thuế thu nhập cá nhân	119.635.245	1.082.118.009	(1.174.499.869)	27.253.385
Các loại thuế khác	-	410.030.420	(410.030.420)	-
Cộng	1.881.730.740	24.002.537.179	(243.414.805.810)	2.469.462.109

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 thay đổi lần thứ 12 cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian thực hiện dự án; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 07 kể từ năm Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Công ty còn được giảm thuế đến năm 2020 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong I và tàu Superdong II.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108.265.225.098	59.437.032.585
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.314.640.777	997.158.520
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	110.579.865.875	60.434.191.105
- Thu nhập hoạt động kinh doanh được ưu đãi	105.714.993.788	56.741.278.220
- Thu nhập khác	4.864.872.087	3.692.912.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	11.641.771.238	3.760.292.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(6.612.815.407)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	182.831.650	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>5.211.787.481</u>	<u>3.760.292.132</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Lương và các khoản phải trả khác cho người lao động.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị	65.700.000	28.500.000
Cổ tức phải trả	21.654.900	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	170.506.306	248.998.762
Cộng	<u>257.861.206</u>	<u>277.498.762</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	-
Trích lập từ lợi nhuận trong năm	3.108.436.572
Số cuối năm	<u>3.108.436.572</u>

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	174.748.540.000	-	-	31.084.365.718	205.832.905.718
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	55.676.740.453	55.676.740.453
Số cuối năm trước	<u>174.748.540.000</u>	-	-	86.761.106.171	<u>261.509.646.171</u>

115-C
TY
HỮU HẠI
TƯ VẤN
C
Ổ CHỨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	174.748.540.000	-	-	86.761.106.171	261.509.646.171
Tăng vốn từ lợi nhuận ^(*)	25.249.380.000	-	-	(25.249.380.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	103.236.269.267	103.236.269.267
Trích lập các quỹ trong năm	-	9.325.309.715	3.108.436.572	(15.542.182.859)	(3.108.436.572)
Chia cổ tức năm 2013 ^(*)	-	-	-	(17.476.842.900)	(17.476.842.900)
Số cuối năm	199.997.920.000	9.325.309.715	3.108.436.572	131.728.969.679	344.160.635.966

(*) Cổ tức năm 2013 chia bằng tiền và bằng cổ phiếu có sự chênh lệch lần lượt là 1.988.900 VND và 1.784.030 VND so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2014 là do làm tròn khi chia.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	17.455.188.000	-
Cộng	17.455.188.000	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.792	17.474.854
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.999.792	17.474.854
- Cổ phiếu phổ thông	19.999.792	17.474.854
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.999.792	17.474.854
- Cổ phiếu phổ thông	19.999.792	17.474.854
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vé tàu	223.934.587.630	164.376.907.228
Doanh thu bán vé tàu Superdong I	14.328.728.676	19.917.715.522
Doanh thu bán vé tàu Superdong II	26.598.315.865	13.247.590.998
Doanh thu bán vé tàu Superdong III	59.169.577.465	40.663.551.454

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu bán vé tàu Superdong IV</i>	59.520.959.335	51.442.114.925
<i>Doanh thu bán vé tàu Superdong V</i>	26.012.245.816	22.922.330.542
<i>Doanh thu bán vé tàu Superdong VI</i>	23.785.450.996	16.183.603.787
<i>Doanh thu bán vé tàu Superdong VII</i>	14.519.309.477	-
Các khoản giảm trừ (hàng bán bị trả lại)	(176.177.314)	(82.809.079)
Doanh thu thuần	<u>223.758.410.316</u>	<u>164.294.098.149</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhiên liệu	55.453.436.930	46.777.643.571
Chi phí nhân công	12.757.779.547	10.508.938.692
Chi phí khấu hao	15.681.776.836	13.380.616.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.885.985.044	5.682.137.516
Chi phí khác	6.810.483.825	5.606.654.794
Cộng	<u>97.589.462.182</u>	<u>81.955.991.278</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.583.537.975	3.609.173.084
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	40.957.262	74.224.283
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.636	80.476
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	561.480	-
Cộng	<u>4.625.070.353</u>	<u>3.683.477.843</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.662	6.560.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	194.300.000	289.943.311
Cộng	<u>194.315.662</u>	<u>296.504.079</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	3.427.437.068	2.974.940.200
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	24.135.580	8.708.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.181.256	73.202.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.292.026.158	1.112.495.559
Chi phí khác	10.756.329.617	13.712.158.136
Cộng	<u>15.543.109.679</u>	<u>17.881.505.039</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.100.733.107	2.704.968.282
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.704.546	22.720.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.640.920	60.765.901
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.057.120.265	3.373.697.795
Chi phí khác	1.651.714.410	2.250.905.728
Cộng	<u>6.848.913.248</u>	<u>8.416.058.529</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.550.000.000	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	680.000	-
Thu nhập khác	71.535.911	9.734.846
Cộng	<u>1.622.215.911</u>	<u>9.734.846</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.381.744.000	-
Chi phí khác	95.061	219.328
Cộng	<u>1.381.839.061</u>	<u>219.328</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	103.236.269.267	55.676.740.453
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	19.999.792	19.999.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.162</u>	<u>2.784</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	17.474.854	17.474.854
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế	2.524.938	2.524.938
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>19.999.792</u>	<u>19.999.792</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm 2014 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.186 VND xuống còn 2.784 VND.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.292.760.881	52.415.727.631
Chi phí nhân công	18.362.459.722	16.170.937.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.756.599.012	13.514.585.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.786.311.467	10.168.330.870
Chi phí khác	1.966.185.677	15.983.973.864
Cộng	120.164.316.759	108.253.554.846

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm nay là 1.413.000.000 VND (năm trước là 1.454.250.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.	Công ty có cùng chủ đầu tư
Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd	Công ty có cùng chủ đầu tư
Sin Hwa Hin Enterprise Sdn.Bhd.	Công ty có cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.</i>		
Mua tàu và phụ tùng thay thế	31.098.660.204	34.158.067.879

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.</i>		
Trả trước tiền mua tàu	30.653.580.000	36.827.680.000
<i>Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd</i>		
Trả trước tiền mua tàu	15.907.612.500	-
Cộng nợ phải thu	46.561.192.500	36.827.680.000

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sai sót

Năm nay Công ty trình bày lại chi phí hoa hồng từ chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” sang chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” và điều chỉnh lại số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán			Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số	năm trước	Các điều chỉnh	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	95.507.820.278	(13.551.829.000)	81.955.991.278
Chi phí bán hàng	24	4.329.676.039	13.551.829.000	17.881.505.039
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(22.044.172.348)	25.816.916.144	3.772.743.796
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(33.720.529.400)	(25.816.916.144)	(59.537.445.544)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ cho khách hàng nợ ngắn hạn. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	1.751.751.930	-	-	1.751.751.930
Các khoản phải trả khác	257.861.206	-	-	257.861.206
Cộng	2.009.613.136	-	-	2.009.613.136
Số đầu năm				
Phải trả người bán	1.161.016.679	-	-	1.161.016.679
Các khoản phải trả khác	277.498.762	-	-	277.498.762
Cộng	1.438.515.441	-	-	1.438.515.441

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Công ty có các khoản tiền và tương đương tiền có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 68.500.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 32.500.000.000 VND).

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do số dư tiền gửi có kỳ hạn thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.022.944.175	-	44.311.785.819	-	74.022.944.175	44.311.785.819
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.000.000.000	-	4.000.000.000	-	39.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	845.510.000	-	1.711.301.567	-	845.510.000	1.711.301.567
Các khoản phải thu khác	913.344.405	-	129.000.000	-	913.344.405	129.000.000
Cộng	114.781.798.580	-	50.152.087.386	-	114.781.798.580	50.152.087.386

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	1.751.751.930	1.161.016.679	1.751.751.930
Các khoản phải trả khác	257.861.206	277.498.762	257.861.206	277.498.762
Cộng	2.009.613.136	1.438.515.441	2.009.613.136	1.438.515.441

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Kiên Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2015



Lưu Hải Anh
Người lập biểu



Lưu Hải Anh
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi

**CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 11 tháng 03 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 077 3 980 111

Fax : 077 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 12, Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 08 38 666 333

Fax : 08 38 688 373

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang công bố Bảng giải trình số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 11/03/2015 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn/Pages/QHCD.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

10 đường 30/4 khu phố 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

www.superdong.com.vn

BẢNG GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2014

STT	TÊN BÁO CÁO	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	LÝ DO
1	Báo cáo Kết quả kinh doanh					
1	Giá vốn hàng bán	11	97,589,462,182	108,140,642,182	10,551,180,000	Điều chỉnh chi phí hoa hồng cho đại lý
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20	126,168,948,134	115,617,768,134	(10,551,180,000)	từ Mục Giá vốn hàng bán sang Chi phí
3	Chi phí bán hàng	24	4,991,929,679	15,543,109,679	10,551,180,000	bán hàng
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7,031,744,898	6,848,913,248	(182,831,650)	Chuyển khoản thuế TNDN các năm
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	108,265,225,098	108,448,056,748	182,831,650	trước từ chi phí quản lý sang khoản
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,028,955,831	5,211,787,481	182,831,650	mục thuế TNDN hiện hành
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2014	70	5,768	5,162	(606)	Tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu theo yêu cầu của Công ty kiểm toán.
2	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	108,265,225,098	108,448,056,748	182,831,650	Bổ sung thuế TNDN phải nộp của các năm trước
2	Lãi lỗ từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	15,579	2,026	(13,553)	Điều chỉnh khoản chênh lệch do đánh giá lại tài khoản gốc ngoại tệ
3	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,624,495,237)	(4,751,793,975)	(127,298,738)	Loại trừ khoản lãi tiền gửi tài khoản không kỳ hạn: -40.957.262 + Bổ sung thu nhập từ thanh lý TSCĐ: 168.256.000đ
4	Tăng giảm các khoản phải thu	09	(15,748,123,338)	943,833,567	16,691,956,905	Bổ sung khoản đặt cọc TSCĐ: 16.357.612.500đ + Lãi TGNH dự kiến: 334.344.405đ
5	Tăng giảm các khoản phải trả	11	(15,568,079,833)	1,702,287,617	17,270,367,450	Điều chỉnh giảm khoản cổ tức chi trả cho chủ sở hữu: 17.453.199.100đ - bổ sung khoản thuế TNDN các năm trước: 182.381.650đ



STT	TÊN BÁO CÁO	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	LÝ DO
6	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(23,281,881,000)	(41,021,237,500)	(17,739,356,500)	Điều chỉnh giảm khoản đặt cọc TSCĐ: 16.357.612.500đ và bổ sung khoản thanh lý TSCĐ: 1.381.744.000đ
7	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1,550,000,000	1,550,000,000	Bổ sung khoản thu thanh lý TSCĐ
8	Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(35,000,000,000)	(39,000,000,000)	(4,000,000,000)	Bổ sung chi tiết đã thu hồi cho vay
9	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4,000,000,000	4,000,000,000	
10	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,624,495,237	4,249,193,570	(375,301,667)	Điều chỉnh giảm khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn: 40.957.262đ + lãi dự kiến: 334.344.405đ
11	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17,455,188,000)	(1,988,900)	17,453,199,100	Bổ sung khoản cổ tức phải chi trả cho chủ sở hữu
3 Thuyết minh Báo cáo tài chính						
1	Thuế TNDN phải nộp	V.14	5,028,955,831	5,211,787,481	182,831,650	Bổ sung thuế TNDN phải nộp của các năm trước
2	Giá vốn hàng bán	VI.2	108,140,642,182	97,589,462,182	(10,551,180,000)	Điều chỉnh chi phí hoa hồng cho đại lý từ Mục Giá vốn hàng bán sang Chi phí bán hàng
3	Chi phí bán hàng	VI.5	4,991,929,679	15,543,109,679	10,551,180,000	Chuyển khoản thuế TNDN các năm trước từ chi phí quản lý sang khoản
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	7,031,744,898	6,848,913,248	(182,831,650)	Tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu theo yêu cầu của Công ty kiểm toán.
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	5,768	5,162	(606)	

Kế toán trưởng



LƯU HẢI ANH

Ngày 11 tháng 03 năm 2015

Đại diện pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI